

Số: 05/2025/QĐST-HNGĐ

Tân Sơn, ngày 17 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2025, giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Phùng Thị O**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn:* Ông Lê Thành C - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

- **Bị đơn:** Anh **Phùng Văn V**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Khu M, xã M, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn:* Ông Bùi Đức D - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ngân hàng C2;

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Việt T** – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 và Danh mục án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2025.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Phùng Thị O** và anh **Phùng Văn V**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

*Về con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung:* Chị O và anh V xác nhận vợ chồng có 04 con chung là cháu Phùng Thị Thúy C1, sinh năm 1995, cháu Phùng Thị H, sinh năm 1998, cháu Phùng Thị D1, sinh năm 2002 và cháu Phùng Thị V1, sinh ngày 16/03/2010.

Khi vợ chồng ly hôn, đối với cháu C1, cháu H và cháu D1 đã thành niên, lao động tự túc được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn đối với cháu V1, hai bên thống nhất thỏa thuận: chị O được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu V1 kể từ khi chấm dứt hôn nhân cho đến khi cháu khôn lớn thành niên. Anh V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị O cho cháu V1 vì chị O tự nguyện không yêu cầu. Anh V có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

*Về tài sản chung, tài sản riêng:* Chị O, anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về công sức đóng góp vợ chồng:* Anh V, chị O thống nhất, thỏa thuận: anh V có trách nhiệm thanh toán cho chị O 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) là công sức đóng góp của chị trong thời kỳ hôn nhân.

*Về công nợ:* Chị O, anh V cùng Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2 xác nhận anh chị có vay nợ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện C2 theo Khế ước vay vốn số: 6600000715066445, chương trình vay vốn: cho vay hộ nghèo. Chị O và anh V đã trả được một phần nợ gốc, còn nợ lại 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), ngày đến hạn trả nợ: 10/4/2026. Nay các bên thống nhất, thỏa thuận anh V sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số dư nợ gốc còn lại là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) khi đến hạn và lãi định kỳ theo thỏa thuận với Ngân hàng C2 đối với món vay trên.

*Về án phí:* Chị O, anh V đều là người dân tộc thiểu số (dân tộc Mường) sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng, nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tân Sơn;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Văn Côn**

